

# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

Chuyên viên Phân tích

**Mai Trung Nghĩa** Email: [nghiamt@vikkibanks.vn](mailto:nghiamt@vikkibanks.vn)



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

## TÓM TẮT SỰ KIỆN

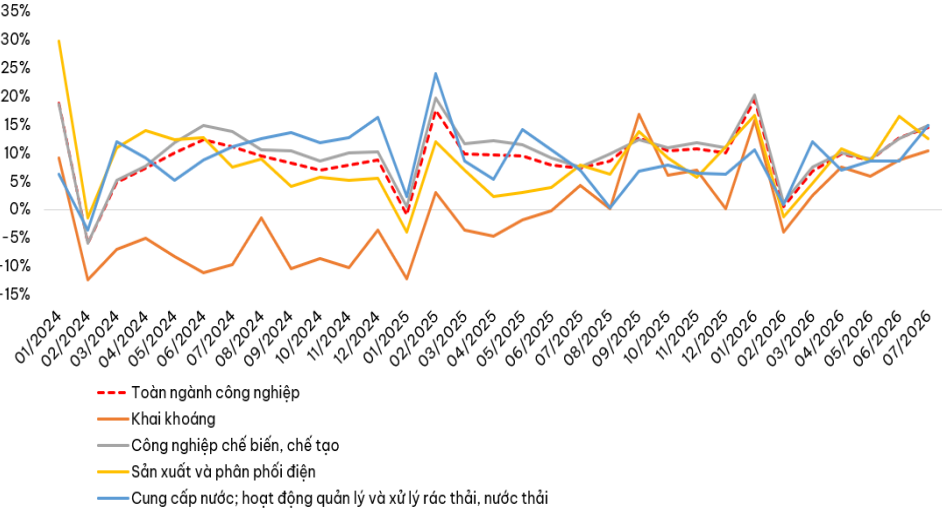
| Chủ đề         | Sự kiện/Chỉ tiêu               | Diễn biến chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đánh giá  |
|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Vĩ mô Việt Nam | Chỉ số IIP tiếp đà tăng trưởng | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) duy trì đà tăng trưởng 2 con số trong 3 tháng liên tiếp, IIP tháng 7/2026 ước tăng 14,5% YoY. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026 ước tăng 11,4% YoY, mức cao nhất giai đoạn 2019-2026. Động lực tăng trưởng tiếp tục đến từ ngành chế biến, chế tạo (+12% YoY), phản ánh hoạt động sản xuất duy trì đà phục hồi và nhu cầu xuất khẩu cải thiện.                                                            | Tích cực  |
|                | Chỉ số PMI cải thiện           | Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 7/2026 đạt 52,9 điểm, tăng từ 51,8 điểm trong tháng 6 và duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong tháng thứ ba liên tiếp. Sản lượng, đơn hàng mới và đơn hàng xuất khẩu tiếp tục cải thiện, trong khi hoạt động mua hàng tăng mạnh nhất trong gần 4,5 năm, phản ánh đà phục hồi của khu vực sản xuất đang được củng cố.                                                                             | Tích cực  |
|                | Dòng vốn FDI tiếp tục khởi sắc | Tổng vốn FDI đăng ký 7 tháng đầu năm đạt 38,06 tỷ USD (+58% YoY), trong khi vốn thực hiện đạt 15,20 tỷ USD (+11,8% YoY), mức giải ngân cao nhất trong 5 năm, tiếp tục hỗ trợ triển vọng tăng trưởng sản xuất và xuất khẩu.                                                                                                                                                                                                            | Tích cực  |
|                | Chỉ số CPI tháng 7 giảm nhẹ    | CPI tháng 7 giảm 0,12% MoM nhưng tăng 4,45% YoY; bình quân 7 tháng tăng 4,39% YoY. Áp lực lạm phát vẫn hiện hữu nhưng đã hạ nhiệt nhờ giá xăng dầu và thực phẩm giảm, tạo dư địa để NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt trong thời gian tới.                                                                                                                                                                         | Trung lập |
| Vĩ mô thế giới | Mỹ áp thuế nhập khẩu mới       | Mỹ áp dụng biểu thuế nhập khẩu mới đối với khoảng 60 nền kinh tế từ ngày 24/07/2026. Theo đó, một số hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sẽ chịu mức thuế mới 12,5% theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Mỹ năm 1974 (tăng 2,5 điểm phần trăm so với mức tạm thời trước đó). Chính sách này có thể làm gia tăng áp lực lên hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ, đặc biệt đối với các ngành dệt may, da giày, đồ gỗ,... | Tiêu cực  |



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

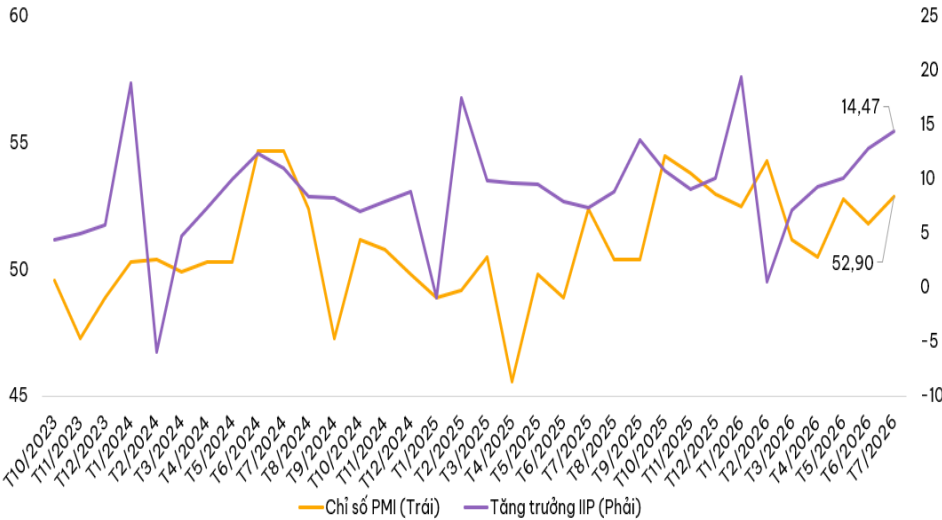
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



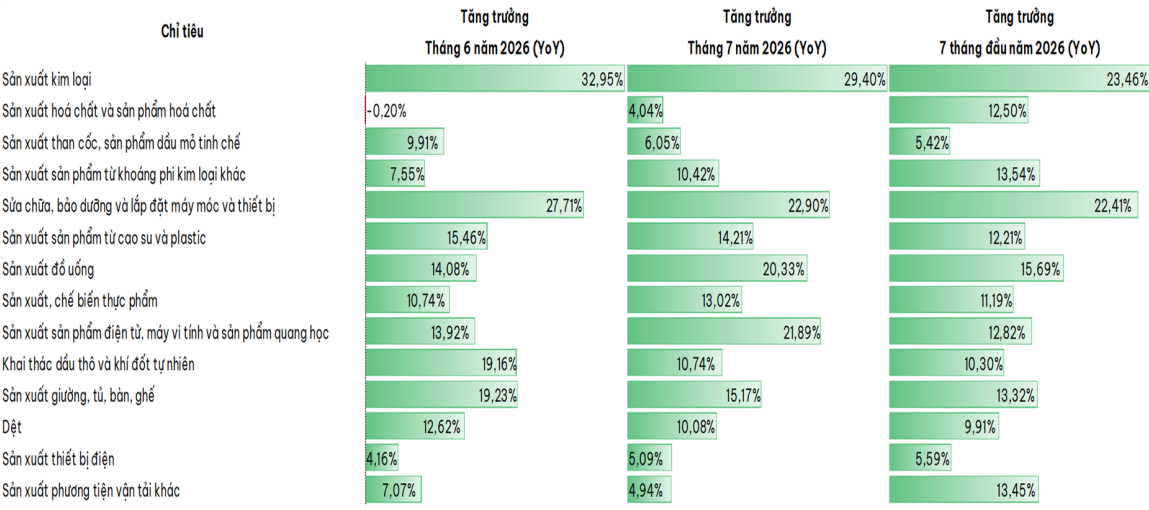
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

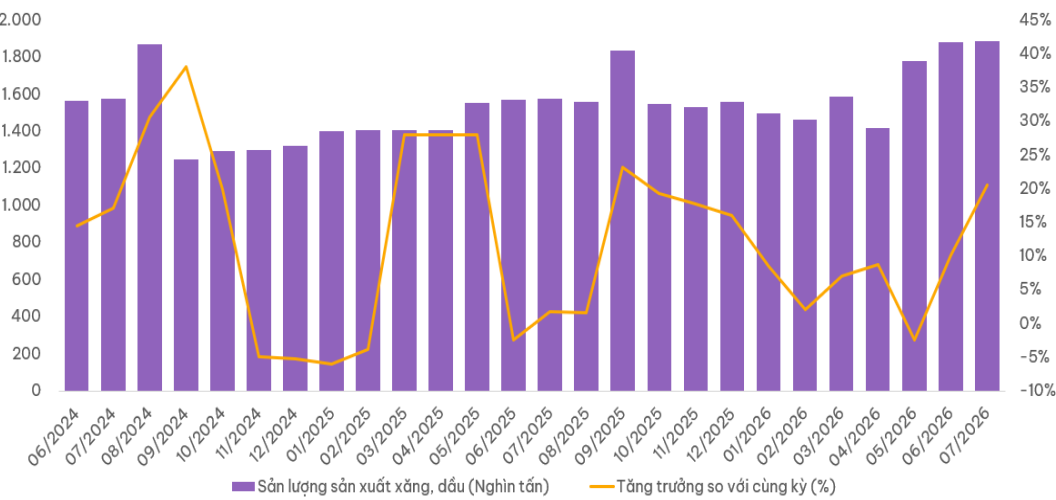
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) duy trì đà tăng trưởng 2 con số trong 3 tháng liên tiếp, IIP tháng 7/2026 ước tăng 14,5% YoY. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 11,4% YoY, xác lập mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2026, cho thấy khu vực sản xuất tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong đó, động lực tăng trưởng chính đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 12% YoY, đóng góp 9,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung và tiếp tục giữ vai trò đầu tàu của khu vực công nghiệp. Theo sau là ngành khai khoáng (+6,6% YoY) & ngành sản xuất và phân phối điện (+9,9% YoY) tương ứng với mức đóng góp lần lượt là 1 và 0,9 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+10% YoY), đóng góp 0,2 điểm phần trăm.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 7/2026 đạt 52,9 điểm, tăng so với 51,8 điểm của tháng 6/2026, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện mạnh và khởi sắc hơn so với tháng trước. Sản lượng sản xuất tăng mạnh trong tháng 7/2026 nhờ số lượng đơn đặt hàng mới duy trì đà tăng 3 tháng liên tiếp, đồng thời tốc độ tăng có phần nhanh hơn so với tháng trước. Trong đó, tổng số đơn đặt hàng mới được hỗ trợ bởi mức tăng mạnh của số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu khi chỉ số này tăng với tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 7/2024. Qua đó, kéo theo hoạt động mua hàng của các nhà sản xuất gia tăng trở lại vào tháng 7, với tốc độ tăng mạnh nhất trong gần 4,5 năm gần đây. Tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng tiếp tục giảm trong tháng 7 khi mức độ kéo dài thời gian giao hàng của nhà cung cấp thấp đáng kể, kể từ tháng 5/2025.



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

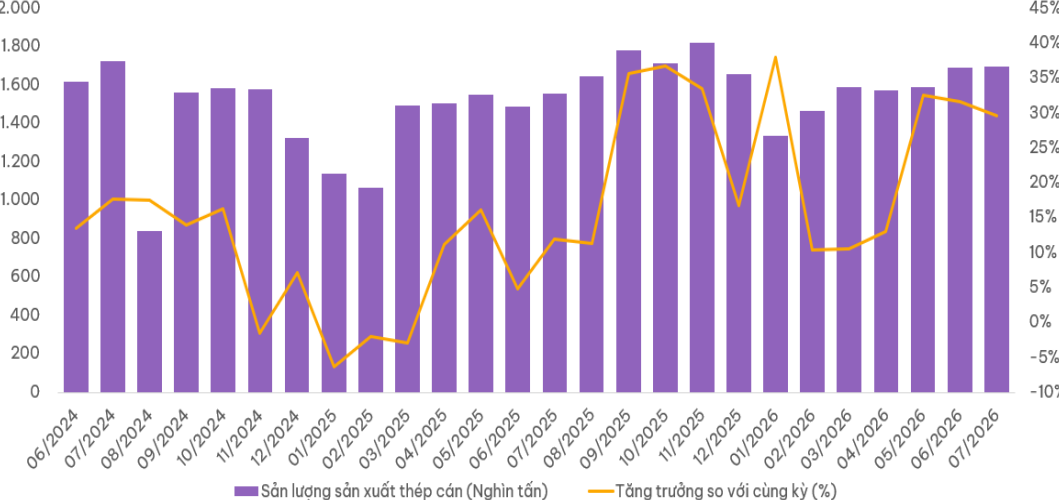
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



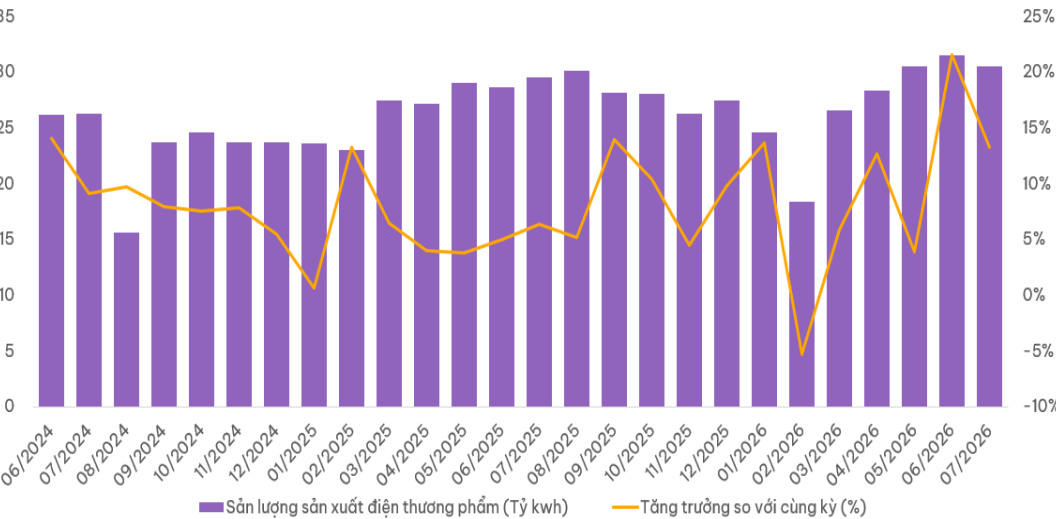
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



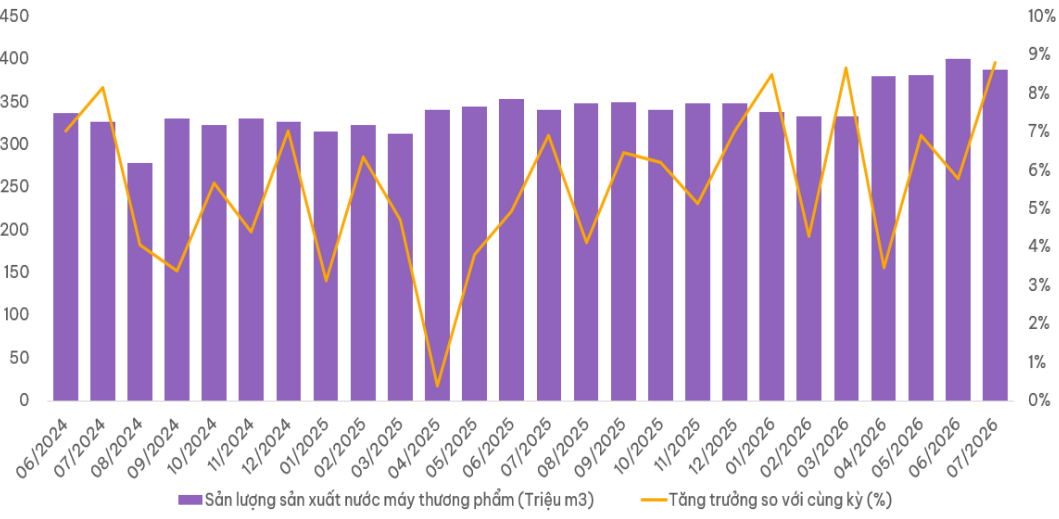
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



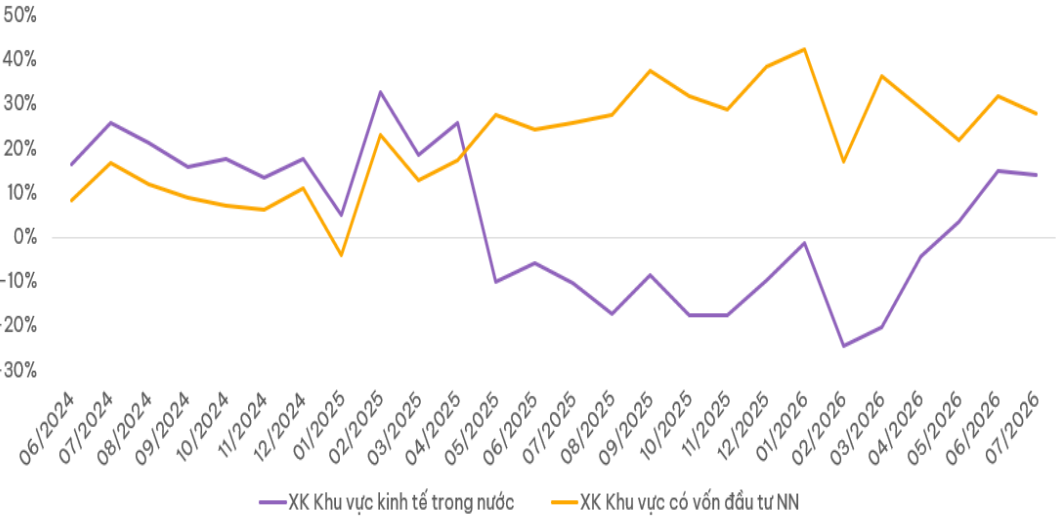
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

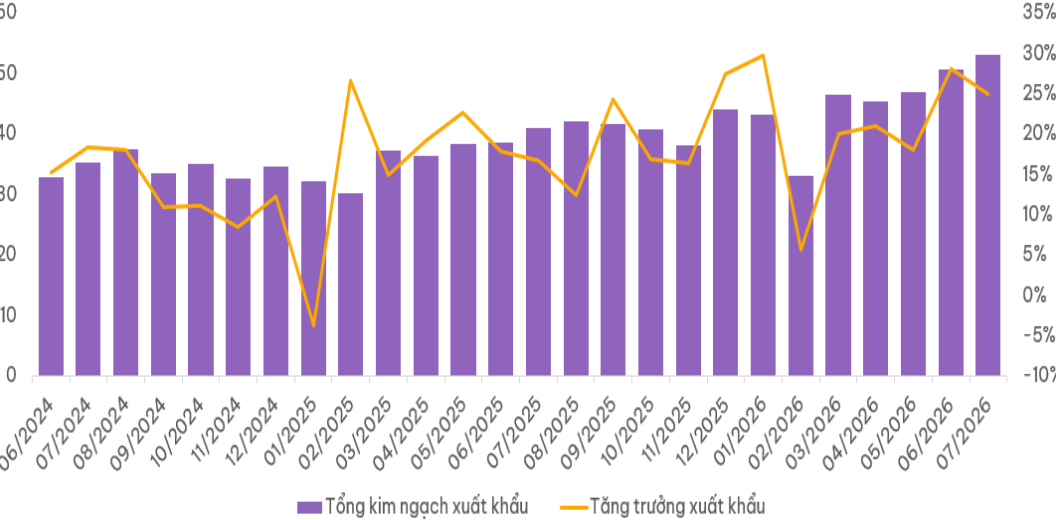
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



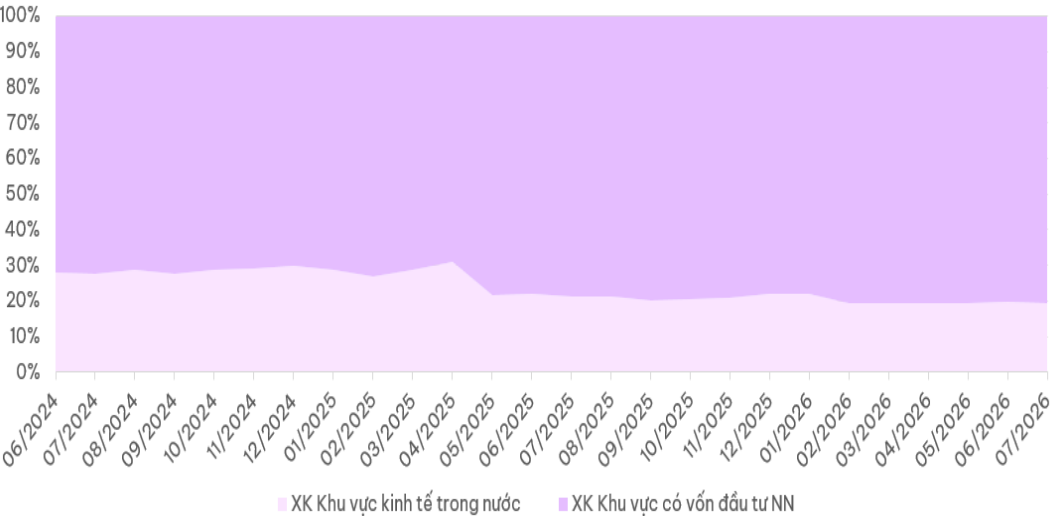
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

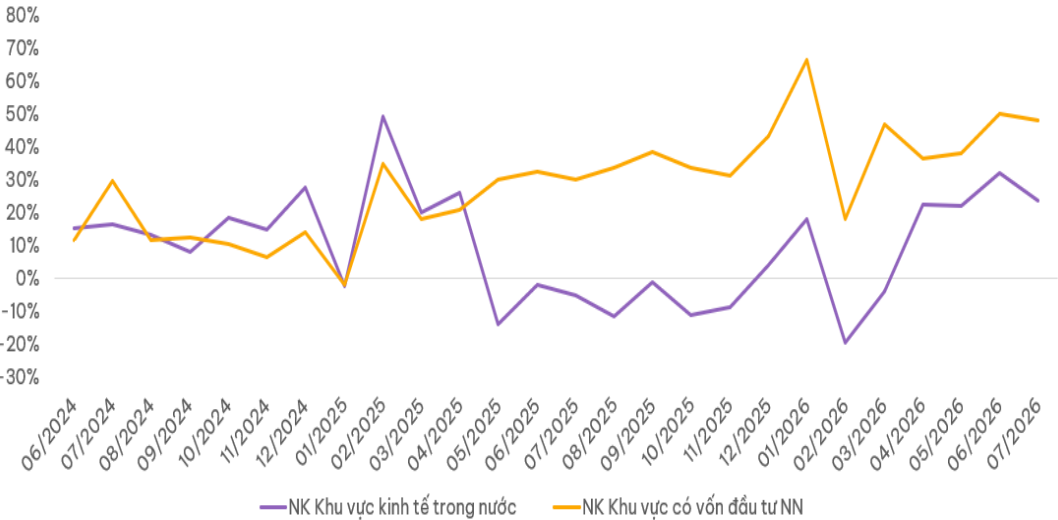
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T7/2026 ước đạt 53,08 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 14% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 27,9% YoY.
- Tính chung bảy tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 319,53 tỷ USD, tăng 21,7% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+50,1% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+24,6% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+18,6% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 26,4% với giá trị xuất khẩu đạt 255,89 tỷ USD – chiếm 80,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 5,8% với giá trị xuất khẩu đạt 63,64 tỷ USD – chiếm 19,9% tổng kim ngạch.



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

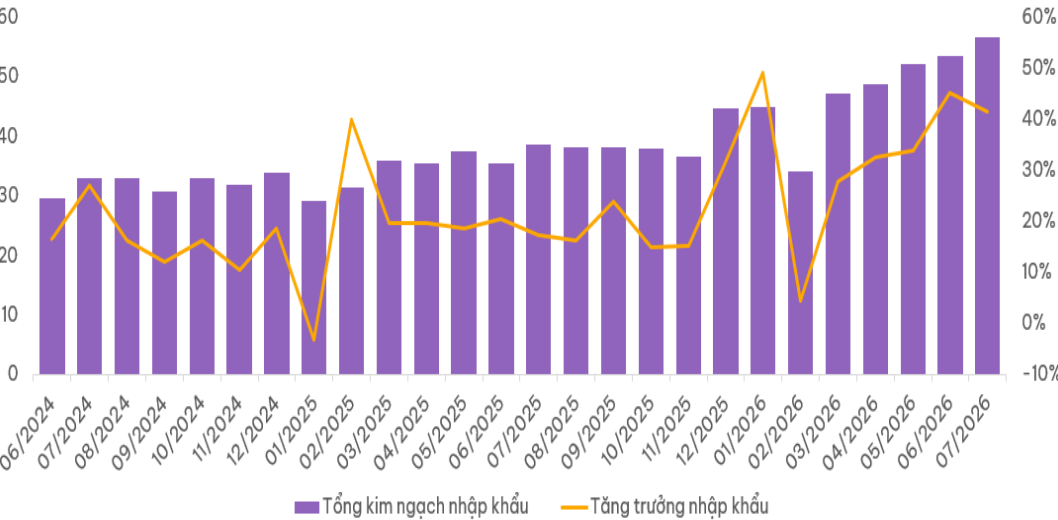
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



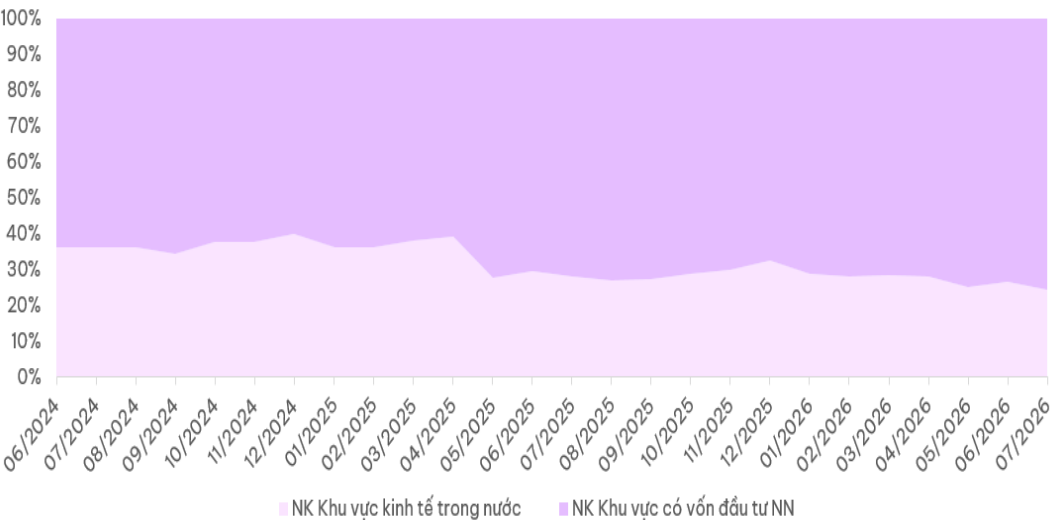
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

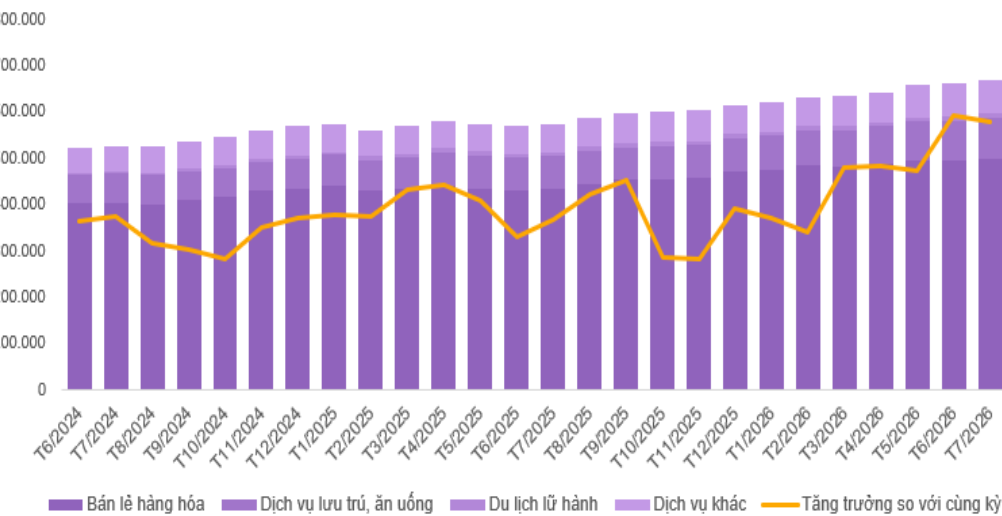
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T7/2026 ước đạt 56,67 tỷ USD, tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 41,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 23,7% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 48,2% YoY.
- Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 340,05 tỷ USD, tăng 34,8% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+65,9% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+22,7% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 39,2% với giá trị nhập khẩu đạt 247,91 tỷ USD – chiếm 72,9% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 24,1% với giá trị nhập khẩu đạt 92,14 tỷ USD – chiếm 27,1% tổng kim ngạch.



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

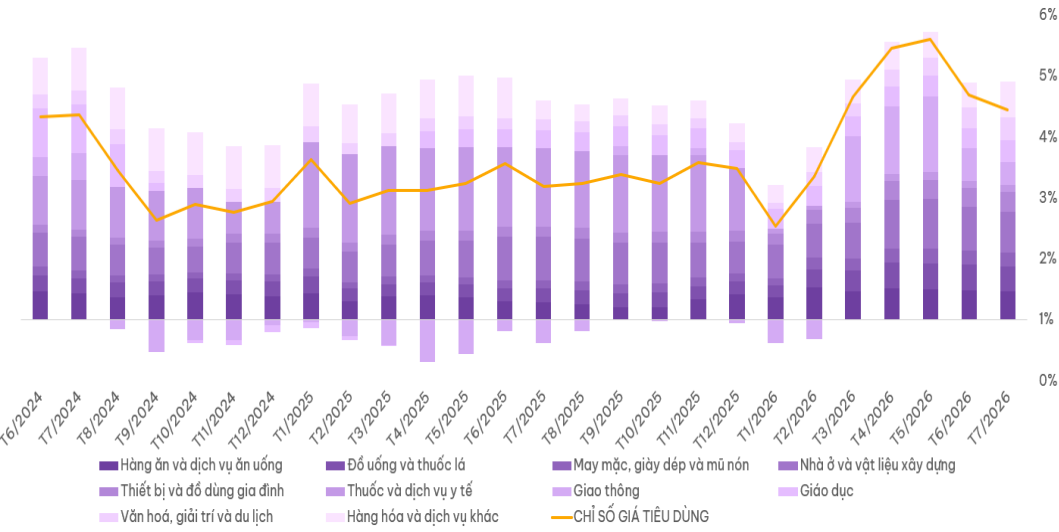
Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Bảy năm 2026 ước đạt 669,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa của hầu hết các nhóm hàng đều có xu hướng tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, như: Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 1,5% QoQ và tăng 13,6% YoY; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 1,3% QoQ và tăng 9,6% YoY; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 1,0% QoQ và tăng 6,3% YoY; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 2,8% QoQ và tăng 19,0% YoY; du lịch lữ hành tăng 7,8% QoQ và tăng 24,3% YoY; các nhóm lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, ô tô các loại, nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) đều tăng 0,9% so với tháng trước và lần lượt tăng 12,7%, 12,4%, 1,5%, 24,9% so với cùng kỳ năm trước; các nhóm hàng hóa dịch vụ khác giảm 1,8% QoQ và tăng 14,1% YoY. Đáng chú ý, doanh thu nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm trong tháng Bảy giảm 1,6% so với tháng trước do ảnh hưởng từ “cú sốc niềm tin” ở thị trường đá quý trong nước nhưng tính chung bảy tháng năm 2026, doanh thu nhóm này vẫn tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2025.
- Tính chung bảy tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4.555,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,5% (năm 2025 tăng 7,4%).
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa bảy tháng năm 2026 ước đạt 3.441,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,5% tổng mức và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 28,2%; hàng hóa khác tăng 18,8%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng và xăng dầu các loại cùng tăng 15,2%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 15,1%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống bảy tháng năm 2026 ước đạt 580,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,7% tổng mức và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu du lịch lữ hành bảy tháng năm 2026 ước đạt 59,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu dịch vụ khác bảy tháng năm 2026 ước đạt 474,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,4% tổng mức và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2026 giảm 0,12% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới và giá lương thực, thực phẩm giảm nhờ nguồn cung dồi dào. CPI tháng Bảy tăng 3,08% so với tháng 12/2025 và tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,19%. Trong mức giảm 0,12% của CPI tháng 7/2026 so với tháng trước có 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 08 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng.

+ Cụ thể, 03 nhóm hàng giảm giá như sau:

- Nhóm giao thông giảm 2,02% so với tháng trước (góp phần làm CPI chung giảm 0,20 điểm phần trăm), chủ yếu do giá xăng giảm 4,35%, giá dầu diesel giảm 9,18%, ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước theo diễn biến giá thế giới. Cùng với đó, giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 3,24%, bằng đường bộ giảm 0,26%; giá xe ô tô mới và xe ô tô đã qua sử dụng giảm lần lượt là 0,20% và 0,10%. Ngược lại, chỉ số giá một số nhóm hàng tăng so với tháng trước: Phụ tùng phương tiện giao thông tăng 0,41% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,20% do chi phí nhân công tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,07% (góp phần làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm), trong đó: chỉ số giá lương thực giảm 0,5%; thực phẩm giảm 0,07%; dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,12%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,07% (góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm), chủ yếu do giá gas đun giảm mạnh 11,41% theo giá thế giới; dầu hỏa giảm 1,19% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng. Ở chiều ngược lại, giá thuê nhà tăng 0,41%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 1,96%; điện sinh hoạt tăng 1,55%, nước sinh hoạt tăng 0,27% do nhu cầu sử dụng điện, nước tăng khi thời tiết nắng nóng.

+ Tám nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07% do giá một số loại thuốc tăng khi chi phí vận chuyển và nhập khẩu tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,28%; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,21%; nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,18%; nhóm thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,16%; dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 0,05%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,10%, trong đó giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,86%; dịch vụ viễn thông tăng 0,26%. Ngược lại, giá phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,80%; tivi màu giảm 0,24%; máy điện thoại cố định, máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng cùng giảm 0,18%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,14% do chi phí nguyên nhiên vật liệu, nhân công tăng và nhu cầu mua sắm thiết bị làm mát, đồ dùng phục vụ du lịch hè tăng. Trong đó, giá đồ điện khác tăng 0,84%; đèn điện thấp sáng tăng 0,60%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,32%; hàng dệt trong nhà tăng 0,24%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,20%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,18%; quạt điện tăng 0,07%. Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,63%; máy giặt giảm 0,46%; nồi điện giảm 0,38%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,31%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ giảm 0,13%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,16% do chi phí nguyên vật liệu, nhân công tăng và nhu cầu mua sắm phục vụ du lịch hè gia tăng. Trong đó, chỉ số giá dịch vụ may mặc tăng 0,30%; giày dép tăng 0,24%; quần áo may sẵn tăng 0,15%; mũ nón tăng 0,12%. Ở chiều ngược lại, dịch vụ giày dép giảm 0,29%; vải các loại giảm 0,11%; may mặc khác giảm 0,06%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,18% do chi phí sản xuất và nhu cầu tiêu dùng tăng trong mùa nắng nóng. Trong đó, giá nước khoáng tăng 1,28%; nước giải khát có ga tăng 0,40%; nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,27%; thuốc hút tăng 0,22%; rượu các loại tăng 0,20%; nước quả ép tăng 0,02%; riêng giá bia giảm nhẹ 0,02%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,24%, chủ yếu do một số cơ sở giáo dục và trung tâm đào tạo điều chỉnh tăng học phí. Bên cạnh đó, giá bút viết các loại tăng 0,66%; sản phẩm từ giấy tăng 0,54%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,47%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,52%. Trong đó, nhóm du lịch trọn gói tăng 1,26% (du lịch trong nước tăng 1,39%; du lịch ngoài nước tăng 0,48%) do nhu cầu du lịch hè tăng cùng với chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; khách sạn, nhà khách tăng 0,40%; sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,21%; dịch vụ thể thao tăng 0,17%. Ở chiều ngược lại, giá đồ chơi trẻ em giảm 0,13%; thiết bị thể dục thể thao giảm 0,10%; thiết bị văn hóa giảm 0,03%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,96%, chủ yếu do mức đóng bảo hiểm y tế tăng 7,90% theo mức lương cơ sở mới được điều chỉnh. Bên cạnh đó, giá dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,67%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,60%... Ở chiều ngược lại, giá đồ trang sức giảm 1,53% theo diễn biến giảm của giá vàng trong nước.

- CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2026 tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,72% (làm CPI chung tăng 1,53 điểm phần trăm); giao thông tăng 5,01% (làm CPI chung tăng 0,50 điểm phần trăm); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,77% (làm CPI chung tăng 1,71 điểm phần trăm); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,25% (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm); đồ uống và thuốc lá tăng 3,60% (làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm); giáo dục tăng 3,35% (làm CPI chung tăng 0,20 điểm phần trăm); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,72% (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm); văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,58% (làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,0% (làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm); thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,06%; thông tin và truyền thông tăng 0,03%.

- Lạm phát cơ bản tháng 7/2026 tăng 0,33% so với tháng trước và tăng 4,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,39% của CPI bình quân chung, chủ yếu là do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

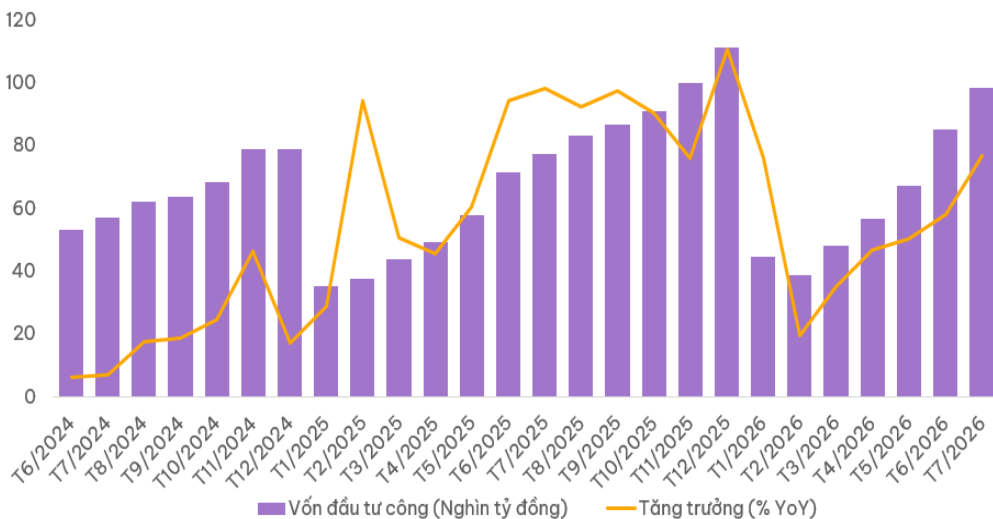




# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

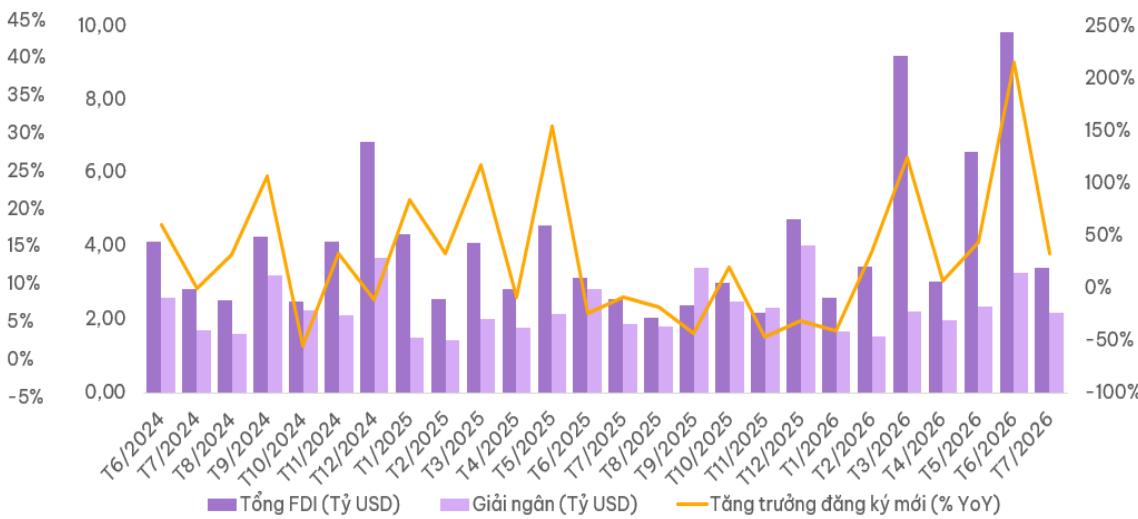
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

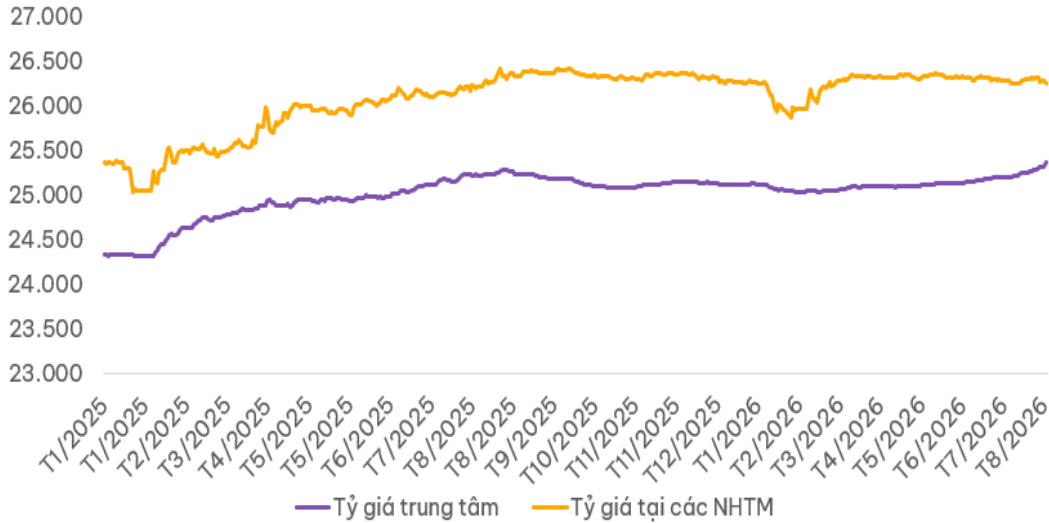
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2026 ước đạt 98,6 nghìn tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, tăng 33,2%; vốn địa phương quản lý đạt 81,0 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 445,5 nghìn tỷ đồng, bằng 39% kế hoạch năm và tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 37,0% và tăng 24,7%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/7/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,06 tỷ USD, tăng 58,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 2.429 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 21,05 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2,1 lần về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 11,58 tỷ USD, chiếm 55,0% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3,13 tỷ USD, chiếm 14,9%; các ngành còn lại đạt 6,34 tỷ USD, chiếm 30,1%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bảy tháng năm 2026 ước đạt 15,20 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của bảy tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12,55 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 7,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 549,3 triệu USD, chiếm 3,6%.



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

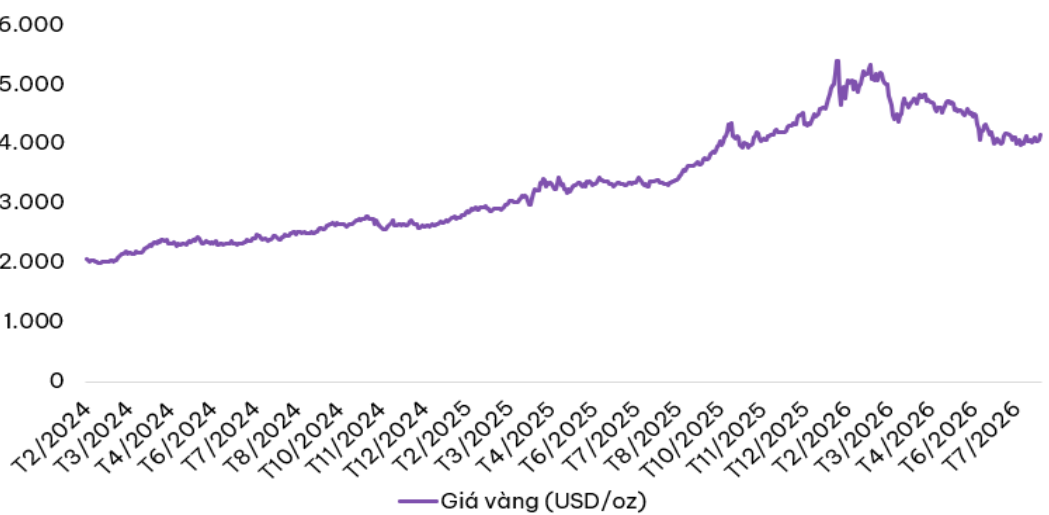
Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



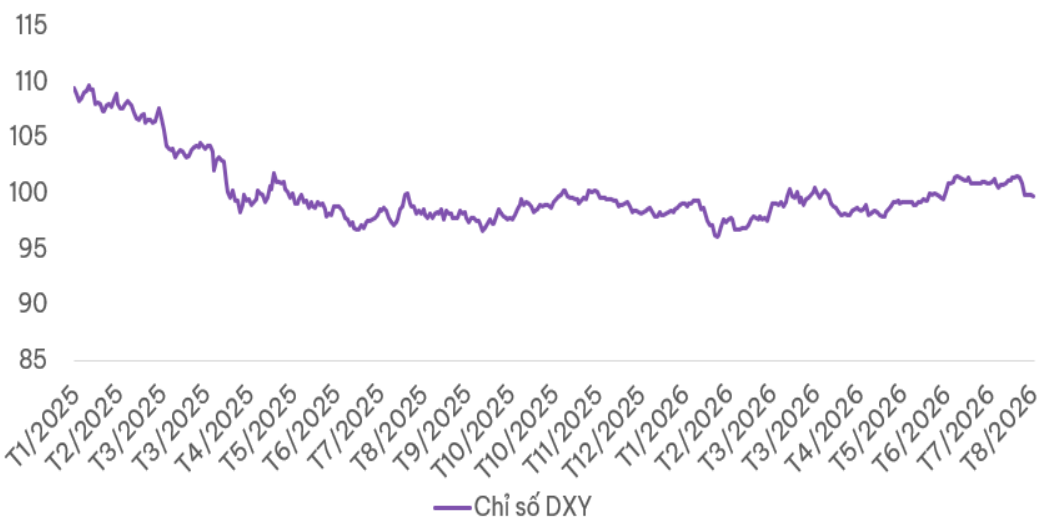
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

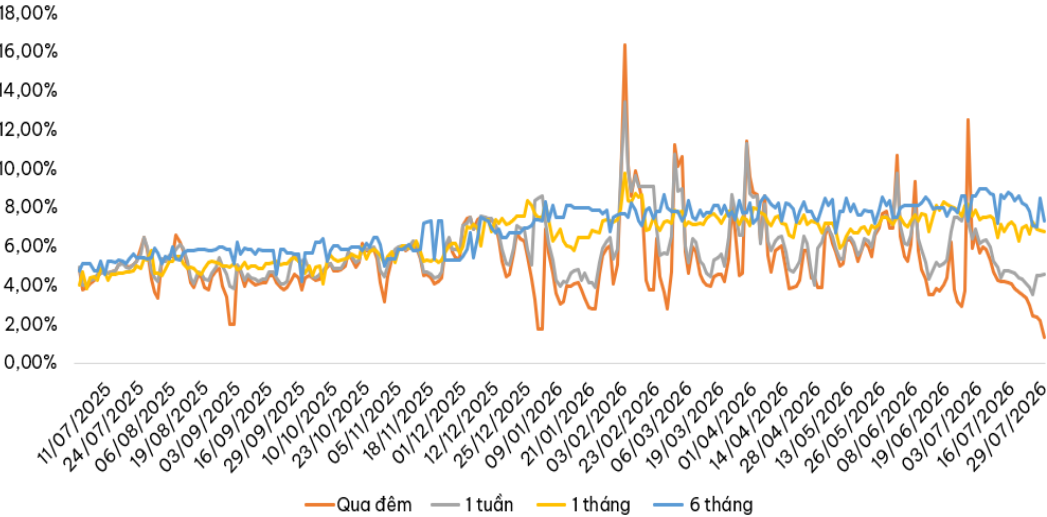
- Tính đến ngày 25/7/2026, chỉ số DXY đạt mức 100,81 điểm, tăng 0,76 điểm so với tháng 6, trong bối cảnh FED duy trì chính sách tiền tệ thận trọng và lãi suất ở mức cao; bên cạnh đó các chỉ số kinh tế Mỹ khả quan củng cố kỳ vọng FED chưa sớm nới lỏng chính sách, qua đó làm gia tăng nhu cầu nắm giữ đồng USD. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.320 VND/USD.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/7/2026, bình quân giá vàng thế giới tháng 7 ở mức 4.086 USD/ounce, giảm 4,62% so với tháng trước. Trong tháng 7, giá vàng thế giới giảm chủ yếu do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, đồng đô la Mỹ duy trì ở mức cao và hoạt động chốt lời của các nhà đầu tư sau giai đoạn giá vàng tăng mạnh. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Bảy giảm 3,02% so với tháng trước; tăng 19,15% so với cùng kỳ năm trước; giảm 5,66% so với tháng 12/2025. Bình quân bảy tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 51,86% so với cùng kỳ năm trước.



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

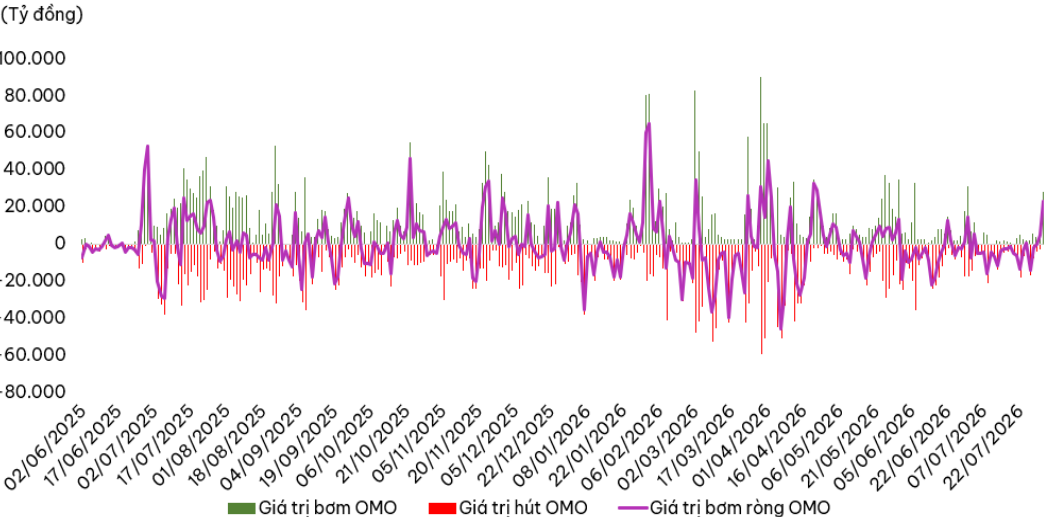
Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

- Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt trong tháng 7 sau nhịp tăng ngắn đầu tháng, phản ánh thanh khoản hệ thống tiếp tục được cải thiện. Lãi suất qua đêm mở đầu tháng ở mức 5,84% (01/07), dao động quanh vùng 5,3–6,0% trong nửa đầu tháng trước khi tăng cục bộ và đạt đỉnh 12,49% (23/07) do nhu cầu vốn ngắn hạn gia tăng trong thời điểm cao điểm thanh toán. Tuy nhiên, áp lực này nhanh chóng được hấp thụ khi lãi suất giảm liên tục và chỉ còn 1,33% vào ngày 29/07, mức thấp nhất kể từ đầu năm. Diễn biến tương tự cũng ghi nhận tại các kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần khi lần lượt giảm từ 6,39% và 6,84% xuống 4,55% và 5,61% vào cuối tháng. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng đã chuyển sang xu hướng giảm rõ nét sau giai đoạn biến động ngắn hạn, cho thấy cung – cầu vốn giữa các tổ chức tín dụng duy trì trạng thái cân bằng hơn, đồng thời phản ánh thanh khoản hệ thống tiếp tục dồi dào trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng chưa tạo áp lực lớn lên nguồn vốn ngắn hạn.
- Trong tháng 7/2026, NHNN tiếp tục điều hành thị trường mở theo hướng linh hoạt, chủ động bơm – hút vốn phù hợp với diễn biến thanh khoản của hệ thống. Các phiên bơm vốn được triển khai tập trung trong giai đoạn lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh vào tuần thứ ba của tháng, góp phần nhanh chóng đưa mặt bằng lãi suất hạ nhiệt về cuối kỳ. Mới đây, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 1743/2026, nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính vào nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại từ 20% lên 50% khi xác định tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, qua đó có thể tạo thêm nguồn vốn ngắn hạn (khoảng 780 nghìn tỷ) cho hệ thống ngân hàng, giảm áp lực huy động trên thị trường liên ngân hàng và nâng cao hiệu quả truyền dẫn của các công cụ điều hành tiền tệ. Trong bối cảnh thanh khoản tiếp tục duy trì trạng thái dồi dào, NHNN được kỳ vọng sẽ tiếp tục ưu tiên điều hành OMO theo hướng trung hòa, vừa hỗ trợ tăng trưởng tín dụng, vừa duy trì ổn định tỷ giá và thị trường tiền tệ.

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



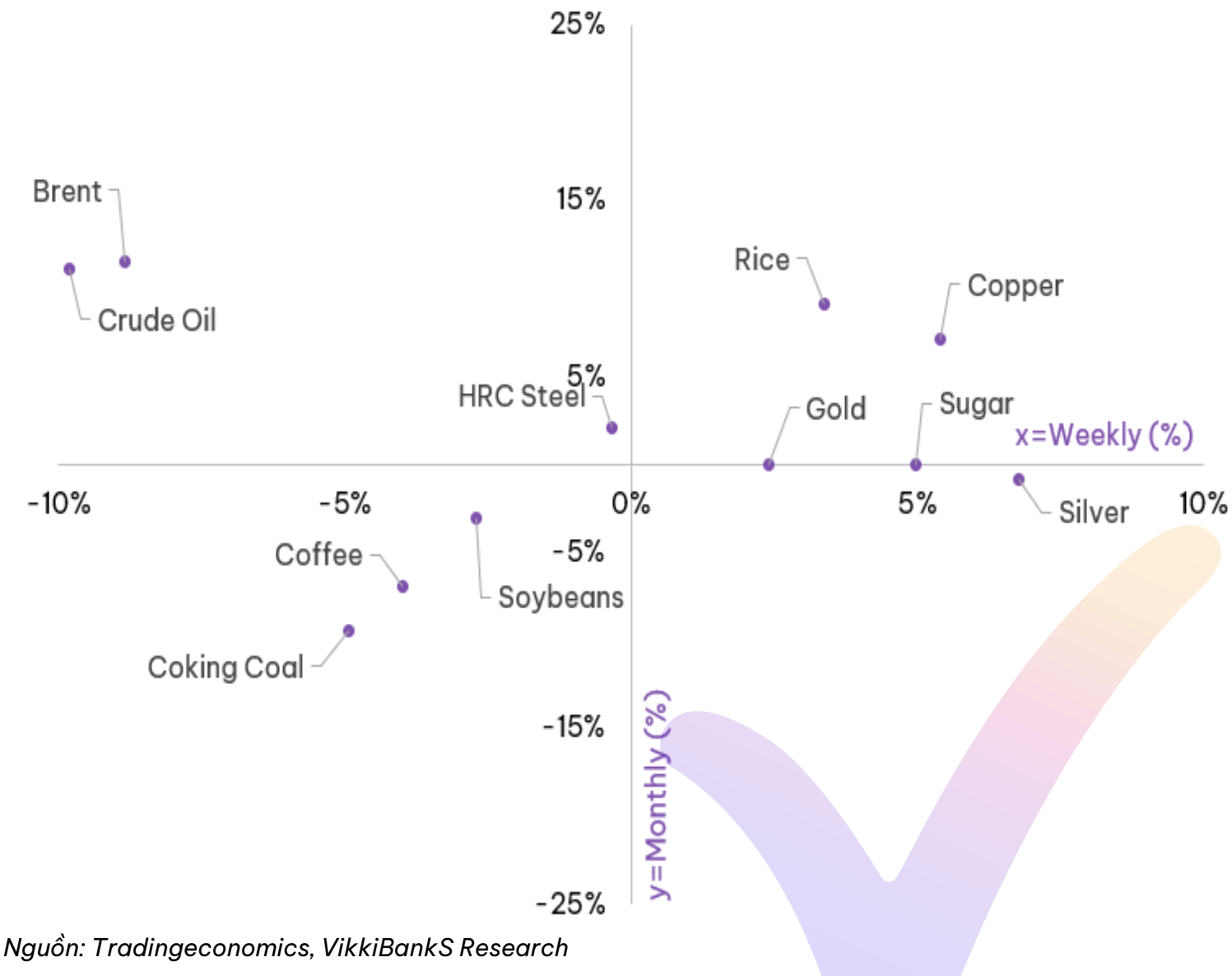
Nguồn: VikkiBankS Research



# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 07-2026

Thứ Năm, 06 Tháng Tám 2026

| Name                | Price    | YoY    |
|---------------------|----------|--------|
| Crude Oil (USD/bbl) | 76,18    | 18,38% |
| Brent (USD/bbl)     | 80,30    | 20,05% |
| Coking Coal (USD/t) | 212,50   | 9,82%  |
| Gold (USD/t.oz)     | 4.163,99 | 23,60% |
| Silver (USD/t.oz)   | 61,51    | 62,56% |
| Copper (USD/lbs)    | 6,62     | 50,65% |
| HRC Steel (USD/t)   | 1.189,12 | 41,06% |
| Sugar (USD/lbs)     | 15,22    | -4,92% |
| Soybeans (USD/bu)   | 1.146,36 | 19,23% |
| Coffee (USD/lbs)    | 325,92   | 9,11%  |
| Rice (USD/cwt)      | 13,97    | 11,59% |



## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.